

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN
TRONG ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 2011-2015
(Dành cho báo cáo viên)

I. MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM CỦA VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Đồng bằng sông Cửu Long nằm trong vùng đất Nam Bộ của Việt Nam. Vùng đất Nam Bộ thuộc hạ lưu sông Mê Công, sông Vàm Cỏ, sông Đồng Nai, tiếp giáp biển Đông, gồm 19 tỉnh, thành phố. Nam Bộ có đường biên giới trên bộ giáp với Campuchia; có vùng lãnh hải rộng lớn, giáp với các nước Philippin, Malaixia, Thái Lan, Campuchia. Dân số toàn vùng hiện nay có trên 30 triệu người, chiếm hơn một phần ba dân số cả nước.

Vùng đồng bằng sông Cửu Long (hay cách gọi thông thường là miền Tây Nam Bộ) có diện tích tự nhiên gần 4 triệu ha, gồm 13 tỉnh, thành phố là: Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang và thành phố Cần Thơ. Đồng bằng sông Cửu Long có đường biên giới với Campuchia dài gần 340 km; có vùng biển rộng lớn, bờ biển dài 743 km, có 02 huyện đảo là Phú Quốc và Kiên Hải. Dân số toàn vùng khoảng 18 triệu người, chiếm 21% dân số cả nước.

Đồng bằng sông Cửu Long có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng, đối ngoại, đặc biệt trong quan hệ với nước láng giềng Campuchia và các nước ASEAN. Đây là vùng có nhiều tiềm năng và lợi thế để phát triển kinh tế. Có hai tỉnh Long An và Tiền Giang nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Đông Nam Bộ; có 3 tỉnh và thành phố: Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Cà Mau là khu kinh tế trọng điểm vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hằng năm đồng bằng sông Cửu Long đóng góp khoảng 18% GDP, trên 50% sản lượng lúa và xuất khẩu 90% sản lượng gạo, 70% sản lượng thủy sản..., của cả nước.

1- Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ

Theo sách "*Lược sử vùng đất Nam Bộ Việt Nam*", lịch sử hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ trải qua nhiều giai đoạn.

- Trước khi trở thành lãnh thổ của nước Việt Nam, vùng đất Nam Bộ thuộc Vương quốc Phù Nam và Vương quốc Chân Lạp.

Từ thế kỷ thứ I đến thế kỷ thứ VII, Nam Bộ là vùng đất thuộc Vương quốc Phù Nam, một quốc gia ven biển, có truyền thống hàng hải và thương nghiệp. Căn cứ vào

những ghi chép trong các thư tịch cổ Trung Quốc, vào khoảng đầu công nguyên, ở phía nam của nước Lâm Ấp (Chăm Pa) đã xuất hiện một quốc gia có tên gọi là Phù Nam, tương ứng với vùng đất Nam Bộ ngày nay. Trong thời kỳ Phù Nam cường thịnh, nhiều nước nhỏ thần phục Phù Nam với tư cách là những thuộc quốc hoặc chư hầu, trong đó có Chân Lạp.

Về khảo cổ học, các hiện vật tìm thấy ở di chỉ khảo cổ Óc-Eo đã chứng minh về sự tồn tại một nền văn hóa cổ của người Phù Nam trên đất Nam Bộ, cách nay gần 2.000 năm, có trước nền văn minh Angkor của người Khmer hàng mấy trăm năm.

Từ thế kỷ VII đến thế kỷ XVI, Nam Bộ thuộc về Chân Lạp. Chân Lạp là một quốc gia xuất hiện ở vùng trung lưu sông Mê Công, gần Biển Hồ, sống chính bằng nghề nông. Vào đầu thế kỷ VII, khoảng sau năm 627, nhân lúc Phù Nam suy yếu, nước Chân Lạp đã đánh chiếm và tiêu diệt Phù Nam.

Sau khi Phù Nam sụp đổ, vùng đất Nam Bộ trở nên hoang phế và còn rất hoang vu, được sử cũ Trung Quốc gọi là “Thủy Chân Lạp” để phân biệt với vùng đất gốc của Chân Lạp là “Lục Chân Lạp”. Trong lịch sử, sau khi tiêu diệt Phù Nam, Chân Lạp dần sức phát triển các vùng trung lưu sông Mê Công, khu vực Biển Hồ, và hướng nỗ lực bành trướng sang phía Tây, vùng lưu vực sông Chao Phaya. Bởi vậy, trong suốt thời kỳ này, vùng đất Nam Bộ chưa thực sự có sự quản lý về mặt hành chính của Nhà nước Chân Lạp; văn hóa Khmer cổ chưa phát triển. Trong các di tích khảo cổ đã phát hiện ở vùng Đồng Nai - Gia Định, có tìm thấy dấu tích của văn hóa Khmer và văn minh Angkor, nhưng không nhiều. Từ thế kỷ IX đến cuối thế kỷ XI, Chân Lạp trở thành một quốc gia cường thịnh, tạo nên nền văn minh Angkor rực rỡ, mở rộng lãnh thổ lên tận Nam Lào và trùm đến cả khu vực sông Chao Phaya.

Bắt đầu từ thế kỷ XIV, khi vương quốc Ayuthaya hình thành (Thái Lan ngày nay), Chân Lạp phải đối phó với sự bành trướng của các vương triều của Xiêm từ phía Tây. Có lúc kinh thành Angkor đã bị quân đội Ayuthaya chiếm đóng. Chân Lạp bước vào thời kỳ suy yếu.

- Từ thế kỷ thứ XVI cho đến nay, Nam Bộ trở thành một bộ phận của nước Việt Nam.

Trong các giai đoạn lịch sử, giữa nhà Nguyễn của Việt Nam và triều đình Chân Lạp đã tồn tại mối quan hệ hữu nghị và hòa bình. Vào đầu thế kỷ XVI, do sự can thiệp của Xiêm (Thái Lan ngày nay), triều đình Chân Lạp bị chia rẽ sâu sắc và suy yếu, không có điều kiện và đủ sức quản lý vùng đất Nam Bộ. Nhiều cư dân Việt từ đất

Thuận Quảng đã vào vùng Mô Xoài, Đồng Nai (miền Đông Nam Bộ) khai khẩn đất hoang, lập làng, sinh sống.

Năm 1620, vua Chân Lạp Chey-Chetta II cưới công chúa Ngọc Vạn, con gái của chúa Nguyễn Phúc Nguyên làm vợ. Quan hệ hữu hảo này đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người Việt vốn đã có mặt từ trước và từ các nơi khác di cư tới tự do khai khẩn đất hoang, làm ăn sinh sống trên vùng đất Nam Bộ. Năm 1623, để quản lý và thu thuế trong cư dân Việt đã có mặt ở hầu khắp miền Đông Nam Bộ và Sài Gòn, chúa Nguyễn đã lập ở vùng Sài Gòn ngày nay một trạm thu thuế.

Cùng thời kỳ này, một số quan lại nhà Minh (Trung Quốc) không thần phục nhà Thanh đã vượt biển đi về phía Nam đến đây và xin phép chúa Nguyễn được cư trú. Từ năm 1679 chúa Nguyễn Phúc Tần đã tạo điều kiện để nhóm Dương Ngạn Địch cùng nha môn, quân sĩ vùng Quảng Tây (Trung Quốc) tổ chức khai phá và phát triển kinh tế vùng lưu vực Tiền Giang (Mỹ Tho); cho nhóm Trần Thượng Xuyên và những đồng hương Quảng Đông (Trung Quốc) chiêu dân mở mang vùng Biên Hòa - Đồng Nai. Năm 1708, Mạc Cửu ở Hà Tiên xin quy phục chúa Nguyễn. Với sự có mặt của các nhóm người Hoa cùng với người Kinh, người Khmer sinh cơ, lập nghiệp từ trước, đã hình thành nên các trung tâm kinh tế quan trọng với nhiều làng mạc, khu dân cư tập trung, chợ, bến thuyền... ở vùng đất Nam Bộ. Nhiều thuyền buôn của Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Dương (người châu Âu), Bồ Đào (Java) tới đây buôn bán... Trên cơ sở những tụ điểm dân cư đông đúc đã hình thành, năm 1698 chúa Nguyễn đã cử thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý vùng đất Nam Bộ và cho lập ra ở đây một đơn vị hành chính lớn là phủ Gia Định. Đó là sự xác lập quyền lực, khẳng định chủ quyền trên thực tế của vương triều Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

Sự kiện năm 1757 vua Chân Lạp là Nặc Tôn (Pra Bát Ong Thong) trao cho chúa Nguyễn đất Tầm Phong Long (trung ương với vùng Tứ giác Long Xuyên ngày nay) để đền ơn cứu giúp trong lúc hoạn nạn và giành lại ngôi vua, đánh dấu quá trình xác lập chủ quyền lãnh thổ của các vương triều Việt Nam trên toàn bộ vùng đất Nam Bộ cơ bản hoàn thành.

- Cùng với quá trình khai thác những vùng đất còn hoang vu của cư dân vùng Nam Bộ, chính quyền Việt Nam đã liên tục thực hiện các chính sách quản lý lãnh thổ với tư cách là chủ nhân vùng đất này. Từ thế kỷ XVII, các chúa Nguyễn bắt đầu lập ra các đơn vị hành chính, sắp đặt quan cai trị, lập sổ sách quản lý dân đinh, ruộng đất và định ra các loại thuế. Sau năm 1744, vùng đất từ Nam Hoành Sơn (Quảng Bình ngày nay) đến mũi Cà Mau được chia làm 12 dinh, trong đó, vùng đất Nam Bộ chia thành 4

dinh (Trần Biên, Phiên Trấn, Long Hồ và Hà Tiên). Trừ Hà Tiên lúc đầu còn là một dinh phụ thuộc, mỗi dinh quản hạt một phủ, dưới phủ có huyện, tổng hay xã.

Trong các triều vua Nhà Nguyễn, hệ thống hành chính tiếp tục được hoàn thiện và thống nhất quản lý trên qui mô cả nước. Năm 1836, vua Minh Mạng cho lập sổ địa bạ toàn bộ lục tỉnh Nam Kỳ. Bên cạnh chính sách chính trị, quân sự, triều đình nhà Nguyễn khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, mở mang các dinh điền, đồn điền, xây dựng các công trình thủy lợi, đường giao thông thủy, bộ. Vua Gia Long cho đào kênh Thoại Hà (thuộc tỉnh An Giang ngày nay). Vua Minh Mạng cho đào kênh Vĩnh Tế dài trên 70 km, nối Châu Đốc với Hà Tiên,...

Về trách nhiệm bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, các chúa Nguyễn đã kiên quyết đánh bại các cuộc tiến công xâm phạm lãnh thổ ở vùng đất Nam Bộ của quân Xiêm vào các năm 1715, 1771... Năm 1785, anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ đã đánh tan sự xâm lược của quân Xiêm trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Tiền Giang ngày nay). Đầu thế kỷ XIX, các vua nhà Nguyễn đã cho xây dựng hệ thống các đồn lũy trấn thủ dọc theo biên giới để bảo vệ lãnh thổ. Trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX, cùng với xây dựng nước Việt Nam hùng cường, các vua nhà Nguyễn đã bảo vệ vững chắc chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

Năm 1858, thực dân Pháp tấn công xâm lược Việt Nam. Sau khi không chiếm được thành Đà Nẵng, chúng kéo quân vào bao vây, tấn công thành Gia Định. Mặc dù quân đội Việt Nam dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương chiến đấu rất anh dũng, nhưng do lực lượng quá chênh lệch, đặc biệt là vũ khí, nên đã thất bại. Triều đình nhà Nguyễn bất lực, ký hiệp định nhượng 3 tỉnh miền Đông và 3 tỉnh miền Tây cho Pháp. Tuy nhiên, cộng đồng dân cư ở Nam Bộ, cả người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm... đã đoàn kết, dưới sự lãnh đạo của Trương Định, Thủ Khoa Huân, Nguyễn Trung Trực... tiếp tục chiến đấu chống Pháp, bảo vệ quê hương, đất nước mình trong một thời gian dài sau đó.

Trong quá trình vận động thành lập Đảng, những người cộng sản Nam Bộ đã thành lập An Nam Cộng sản đảng, một trong ba tổ chức cộng sản tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (2-1930), dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Nam Bộ đã liên tục đấu tranh, tạo nên nhiều phong trào, như cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (1940) vô cùng anh dũng... Năm 1945, nhân dân Nam Bộ đã cùng cả nước làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám, giành lại nền độc lập cho Tổ quốc.

Đồng bào nam Bộ đã "đi trước, về sau" trong các cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ xâm lược, bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc. Thắng lợi vẻ vang trong hai

cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ mà đỉnh cao là cuộc tổng tiến công Mùa Xuân năm 1975 giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước chứng minh sự kiên định, lòng dũng cảm và sự hy sinh của nhân dân Nam Bộ trong quá trình đấu tranh vì độc lập và thống nhất của Tổ quốc Việt Nam.

Như vậy, lịch sử vùng đất Nam Bộ đến nay trải qua ba giai đoạn: Phù Nam, Chân Lạp, Việt Nam. Điều quan trọng là người Kinh (Việt) đến và tham gia khai phá vùng đất này không bằng vũ lực và chiến tranh mà bằng con đường hòa bình, hợp tác với các dân tộc khác. Người Kinh khai phá, mở đất đến đâu đều thành lập cộng đồng xã hội, thiết lập nền hành chính, quản lý đến đó, qua đó khẳng định chủ quyền trên vùng đất mới.

2. Truyền thống đoàn kết giữa các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm... trong xây dựng, bảo vệ và phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long

- Do điều kiện lịch sử và địa lý, cộng đồng dân cư đồng bằng sông Cửu Long có nguồn gốc rất đa dạng với những đặc điểm nổi bật là:

- + Các dân tộc có truyền thống đoàn kết trong dựng nước và giữ nước.
- + Các dân tộc có dân số, sự phát triển không đều nhau.
- + Các dân tộc sống xen kẽ với nhau trên các địa bàn có vị trí chiến lược về kinh tế, môi trường, quốc phòng, an ninh.

+ Mỗi dân tộc có ngôn ngữ và văn hóa truyền thống tốt đẹp riêng, góp phần làm phong phú và đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong đa dạng.

- **Người Kinh** : Ngoài những cư dân đã có mặt từ trước, từ cuối thế kỷ XVI, nhất là thế kỷ XVII, XVIII từ miền Trung, miền Bắc người Kinh đã di cư vào vùng Nam Bộ khai phá đất hoang, sinh cơ lập nghiệp và nhanh chóng trở thành bộ phận cư dân chủ đạo trong công cuộc chinh phục vùng đất này. Quá trình xuất hiện của người Kinh ở Nam Bộ diễn ra trong một thời gian dài, bằng các biện pháp hòa bình, không hề có sự tranh chấp với dân cư sở tại và các bộ phận dân cư khác cùng di cư tới. Hiện nay, người Kinh có tỷ lệ lớn nhất trong dân cư của vùng Tây Nam Bộ, khoảng gần 17 triệu người, chiếm hơn 90% dân số, phân bố đều khắp trong tất cả các tỉnh, thành của vùng.

- **Người Khmer**: Sau khi vương quốc Phù Nam bị Chân Lạp thôn tính, một bộ phận cư dân Phù Nam xuôi về phía nam, sống với người Malayxia và Indonexia (cùng nhóm ngôn ngữ Mã Lai). Một bộ phận ngược lên, định cư cùng với các dân tộc thiểu số ở nam Trường Sơn. Còn đa số người dân Phù Nam tiếp tục sinh sống tại đồng bằng sông Cửu Long. Trải qua 9 thế kỷ (từ thế kỷ thứ VII đến thế kỷ XVI) những người

Phù Nam dân bị "Khmer hóa". Như vậy, có thể nói, đa số người Khmer hiện nay ở đồng bằng sông Cửu Long là người Phù Nam xưa. Ngoài ra, trong thời kỳ Chân Lạp có một số người Khmer từ các vùng thuộc trung lưu sông Mê Công theo sông, xuôi về vùng Nam Bộ còn hoang vu sinh sống. Nhưng nói chung, đến giữa thế kỷ thứ XIX người dân Khmer sống ở Nam Bộ vẫn còn rất ít, khoảng 150.000 người.

Hiện nay đồng bào Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 1,2 triệu người, nhiều nhất ở tỉnh Sóc Trăng, Trà Vinh, Kiên Giang, An Giang, Bạc Liêu, thành phố Cần Thơ... Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, cùng với sự vươn lên của đồng bào, bộ mặt của các xã, phường có đông đồng bào Khmer sinh sống đang ngày càng đổi mới, đời sống của đồng bào không ngừng được cải thiện. Nhiều hộ người Khmer nghèo đã vươn lên đủ ăn, có thu nhập khá. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer giảm bình quân hàng năm khoảng 3%...

- **Người Hoa** : Ngoài một số ít người Hoa có mặt từ trước, vào nửa sau thế kỷ XVII do những biến động chính trị ở Trung Quốc có những đợt di dân lớn từ miền Nam Trung Quốc đến Nam Bộ. Hiện nay trên vùng đồng bằng sông Cửu Long người Hoa có trên 192.000 người, sống tập trung nhiều ở các tỉnh : Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang. Người Hoa ở Tây Nam Bộ đoàn kết, năng động, có tiềm năng về vốn, tay nghề, năng lực tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh, làm dịch vụ, nên kinh tế khá phát triển nhanh, phần đông có mức sống khá. Tỷ lệ hộ nghèo trong người Hoa thấp.

- **Người Chăm** : Theo Đại Nam thư lục chính biên, năm 1834 Thủ trần phủ An Giang là Lê Đại Cương xét thấy vùng đất giáp sông lớn trở lên của An Giang phần nhiều còn bỏ hoang, có thể trồng cây đước, đã tâu vua Minh Mạng xin cho những người Chăm di cư đang sống rải rác trong vùng đước lưu lại tại đó mà cày cấy, hình thành cộng đồng dân tộc Chăm ở vùng này. Đến nay, người Chăm có gần 15.000 người, chủ yếu ở An Giang và rải rác ở một số vùng thuộc Kiên Giang và Long An. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về công tác đối với đồng bào Chăm, những năm qua bộ mặt nông thôn vùng đồng bào Chăm có nhiều đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được cải thiện đáng kể.

Ngoài các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm, trong vùng đồng bằng sông Cửu Long còn có các tộc người có số lượng ít, như Tày, Nùng, Ngái, Mnông, Stiêng, Mường, Chơ ro, Châu mạ, K'ho... là thổ dân hoặc di cư tới trong những thời gian khác nhau.

Trong quá trình phát triển; cộng đồng dân cư vùng đồng bằng sông Cửu Long Nam Bộ, bao gồm những người bản địa đã có mặt từ trước và lưu dân từ nơi khác

đến, đã chung sống hòa bình, cùng nhau khai khẩn đất hoang, chống lại thú dữ để sinh tồn. Khi chính quyền nhà Nguyễn thiết lập bộ máy hành chính quản lý vùng đất này, toàn bộ cư dân ở đây sống trong luật pháp của chính quyền nhà Nguyễn. Khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đoàn kết bên nhau, kháng chiến chống ngoại xâm. Đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân các dân tộc ở đồng bằng sông Cửu Long đoàn kết đi theo Đảng, kiên cường chiến đấu, cùng cả nước tiến hành Cách mạng Tháng Tám (1945) thành công, đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giành thắng lợi hoàn toàn vào Mùa xuân 1975. Từ đó đến nay, nhân dân các dân tộc vùng đồng bằng sông Cửu Long cùng nhân dân cả nước chung tay xây dựng nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Có thể nói, có được vùng đồng bằng sông Cửu Long như ngày nay là nhờ công lao, đóng góp của nhiều dân tộc: Kinh, Khmer, Hoa, Chăm..., trong đó người Kinh giữ vai trò chính.

3. Vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tôn giáo. Các tôn giáo tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hòa hợp, xây dựng cuộc sống mới

3.1. Trên địa bàn vùng đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tôn giáo

Các tôn giáo lớn là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Cao Đài, Hòa Hảo... Các tôn giáo tôn trọng lẫn nhau, đoàn kết, hòa hợp. Tín đồ các tôn giáo chung sống, sinh hoạt trong cùng một địa bàn; tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển. Các chùa chiền, thánh thất, nhà thờ... xen kẽ ở các khu dân cư, tạo nên nét đặc trưng văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long.

- **Phật giáo**, là tôn giáo có số lượng tín đồ đông nhất trong vùng, bao gồm cả Phật giáo Việt, Phật giáo Hoa, Phật giáo Nam tông Khmer. Hiện nay tín đồ Phật giáo có khoảng 3.250.000 người, với 2.682 cơ sở thờ tự, 141 hòa thượng, 342 thượng tọa, 4.249 đại đức, 10.477 tăng, 2.857 ni...

Hoạt động của Phật giáo chủ yếu là chăm lo việc đạo, đào tạo tăng tài, củng cố tổ chức Giáo hội theo đường hướng, tôn chỉ, mục đích "*Đạo pháp, dân tộc và chủ nghĩa xã hội*"; tham gia công tác nhân đạo, từ thiện xã hội, xóa đói giảm nghèo, phổ cập giáo dục, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt..., góp phần nâng cao đời sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

- **Công giáo** : Hiện có 715.054 tín đồ, trong đó có 2.853 tín đồ là người dân tộc Khmer. Trên toàn vùng có 4 giáo phận, 4 tòa Giám mục (Mỹ Tho, Vĩnh Long, Cần

Thơ, Long Xuyên), 598 cơ sở thờ tự, 1.283 tu sĩ, 695 linh mục, Công giáo quan tâm nhiều đến công tác đào tạo chức sắc, tu sĩ, củng cố hành chánh đạo tại các nhà thờ, nhà nguyện (ban, hội), với đường hướng hành đạo "*Sống phúc âm giữa lòng dân tộc*". Ngoài các hoạt động theo chương trình đăng ký hàng năm, Công giáo còn tổ chức một số hoạt động, như củng cố đức tin, tổ chức tuần tĩnh tâm, xây dựng cơ sở vật chất, làm công tác nhân đạo, từ thiện xã hội...

- **Tin Lành** (gồm Tin Lành Việt Nam và các hệ phái được công nhận), hiện có 76.433 tín đồ, 97 cơ sở thờ tự, 253 điểm nhóm, 136 mục sư và, trong đó có 2.740 tín đồ là người dân tộc Khmer. Đường hướng hành đạo chung của Tin lành được xác định là "*Sống phúc âm giữa lòng dân tộc, phụng sự Thiên chúa, Tổ quốc và dân tộc*".

Sau khi có tư cách pháp nhân, hoạt động tôn giáo dần đi vào nề nếp. Các hệ phái Tin lành hiện nay cơ bản có phương thức hoạt động giống nhau, thông qua công tác từ thiện xã hội để truyền đạo, nhất là trong vùng đồng bào Khmer.

- **Cao Đài**, trong toàn vùng hiện có 402.137 tín đồ với 672 cơ sở thờ tự, 940 tu sĩ, 7.576 chức sắc, 10.926 chức việc, gồm các hệ phái Tây Ninh, Tiên Thiên, Minh Chơn Đạo, Chơn Lý, Ban Chính Đạo, Thượng Đế, Bạch Y.... Sau khi Nhà nước công nhận về tổ chức, các hệ phái Cao Đài hoạt động ổn định, tuân thủ pháp luật, quan tâm xây dựng, sửa chữa thánh thất, thánh tịnh... với đường hướng hành đạo được xác định là "*Nước vinh, Đạo sáng*". Họ cũng thường xuyên gặp gỡ, liên giao để giúp nhau trong hành đạo và hoạt động từ thiện xã hội...

- **Hòa Hảo**, hiện có 1.148.314 tín đồ, với 64 cơ sở thờ tự, 2.197 chức việc. Tín đồ Phật giáo Hòa Hảo tập trung nhiều nhất ở An Giang với số lượng 679.167 người. Sau khi được công nhận tư cách pháp nhân, các hoạt động tôn giáo được phục hồi, nhìn chung là ổn định và tuân thủ pháp luật. Đường hướng hành đạo được xác định là "*Đạo pháp – Dân tộc*". Đặc biệt, Phật giáo Hòa Hảo đã tham gia rất tích cực vào công tác từ thiện xã hội.

- **Tôn giáo khác**. Ngoài các tôn giáo nêu trên, hiện nay trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long còn một số tôn giáo khác, như Tịnh độ Cư sĩ, Hồi giáo, Nam tông Minh sư đạo, Tứ ân Hiếu nghĩa, Bửu sơn Kỳ hương, Baha'i..., với khoảng 275 cơ sở thờ tự, 786 chức sắc, 3.168 chức việc và 288.130 tín đồ.

- **Tín ngưỡng dân gian**. Sự hình thành và phát triển tín ngưỡng dân gian trên địa bàn Tây Nam Bộ khá phong phú, mang bản sắc văn hóa, dân tộc độc đáo, được lưu truyền trong cộng đồng các dân tộc Kinh, Khmer, Hoa, Chăm và các dân tộc thiểu số khác, như thờ cúng ông bà, tổ tiên, anh hùng dân tộc có công với nước... Hiện nay

toàn vùng có trên 1.196 cơ sở tín ngưỡng dân gian, như: đình, miếu, đền, hội quán, phủ thờ, trong đó có nhiều cơ sở được công nhận di tích lịch sử - văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia.

3.2. Các tôn giáo ở đồng bằng sông Cửu Long thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đoàn kết, giúp nhau cùng tiến bộ

- Tình hình tôn giáo trên địa bàn đồng bằng sông Cửu Long khá ổn định. Nhìn chung các tổ chức tôn giáo đều thực hiện đúng theo Hiến chương, Điều lệ của Giáo hội và pháp luật của Nhà nước. Các lễ trọng của các tôn giáo được tổ chức trang nghiêm, long trọng, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, với sự tham gia của những người không theo tôn giáo nào và cả tín đồ các tôn giáo khác.

- Ở đồng bằng sông Cửu Long cũng như trong cả nước Việt Nam, không có xung đột tôn giáo. Trong lịch sử đã có lúc chính quyền thực dân, đế quốc và các lực lượng chính trị phản động có âm mưu lợi dụng tôn giáo, chia rẽ các tôn giáo ở Việt Nam, nhưng chúng đã thất bại. Ngày nay, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, các thế lực thù địch trong và ngoài nước vẫn nuôi dưỡng ý đồ lợi dụng vấn đề tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chia rẽ đồng bào có đạo với Đảng và Nhà nước. Cảnh giác với các âm mưu, thủ đoạn nham hiểm của các thế lực thù địch, tuyệt đại đa số đồng bào có đạo ở đồng bằng sông Cửu Long tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, chấp hành các quy định của Nhà nước, đoàn kết, giúp nhau thực hiện mục tiêu chung “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”; cùng với chính quyền, đoàn thể đấu tranh làm thất bại những âm mưu và thủ đoạn của chúng.

- Ở đồng bằng sông Cửu Long, các tôn giáo đều có cử đại diện tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các đoàn thể chính trị - xã hội; ứng cử Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp.

- Đại bộ phận chức sắc, nhà tu hành đều có tư tưởng tiến bộ, có uy tín với tín đồ, gắn bó, đồng hành cùng dân tộc, hưởng ứng và chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia thực hiện tốt các phong trào do chính quyền địa phương phát động. Đa phần tín đồ các tôn giáo là nhân dân lao động, có truyền thống yêu nước, gắn bó với cách mạng, mong muốn hòa bình để làm ăn, làm tốt việc đời, việc đạo, yên tâm tu hành... Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, nhiều chức sắc, chức việc, tín đồ các tôn giáo đã tham gia các phong trào đấu tranh chống Mỹ, Ngụy, lực lượng vũ trang nhân dân; chiến đấu, hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc.

II. CHỦ QUYỀN, TOÀN VỊN LÃNH THỜ CỦA VIỆT NAM TRÊN VÙNG ĐẤT NAM BỘ

1. Cơ sở pháp lý về chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ

Chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ được khẳng định vững chắc bằng sự xuất hiện của người Kinh, chủ nhân chính khai phá vùng đất trũng còn hoang sơ trong một thời gian dài một cách hoà bình; bằng quyền quản lý hành chính liên tục, trên thực tế của chính quyền Việt Nam trải qua các đời của các chúa và vua Nhà Nguyễn và được khẳng định rõ ràng bằng các văn bản có giá trị pháp lý được cộng đồng quốc tế công nhận.

- Giữa thế kỷ XIX, chủ quyền của Việt Nam được chính thức ghi nhận trong văn bản hiệp ước quốc tế được ký tháng 12/1845 giữa ba nước Việt Nam, Xiêm (Thái Lan) và Miên (Campuchia). Hiệp ước này đã thừa nhận 6 tỉnh Nam Kỳ thuộc Việt Nam. Năm sau, Triều Nguyễn và Xiêm ký một hiệp ước có nhắc lại điều đó. Hiệp ước này sau đó Cao Miên cũng tham gia.

- Năm 1858 Pháp tấn công thành Đà Nẵng. Sau khi không chiếm được Đà Nẵng, chúng kéo vào tấn công thành Gia Định, thực hiện mục tiêu xâm chiếm Nam Bộ. Triều đình Nhà Nguyễn đã điều động quân đội tiến hành kháng Pháp bảo vệ thành Gia Định. Khi kháng chiến thất bại, triều đình Nhà Nguyễn đã ký các hiệp định nhượng cho Pháp 3 tỉnh miền Đông (năm 1862) và 3 tỉnh miền Tây (năm 1874). Trước hành động xâm lược của Pháp và các hiệp định ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với chính phủ Pháp, chính quyền Campuchia và các nước khác lúc đó không có bất cứ một phản ứng gì. Điều đó chính là sự thừa nhận chủ quyền của Việt Nam đối với vùng đất này.

- Sau khi xâm lược các nước Đông Dương, trên cơ sở lịch sử và sự thực thi chủ quyền trên thực tế của Việt Nam ở vùng đất Nam Bộ, chính quyền thực dân Pháp đã tiến hành hoạch định biên giới giữa Nam Kỳ (lúc đó là thuộc địa của Pháp) và Campuchia theo luật của nước Pháp. Việc khảo sát, đo đạc trên thực địa được tiến hành bởi các chuyên gia Pháp và Campuchia. Năm 1889, giữa Pháp và Campuchia đã ký một loạt các văn bản pháp lý về hoạch định, phân giới cắm mốc biên giới giữa Nam Kỳ và Campuchia. Các văn bản pháp lý này một lần nữa khẳng định chủ quyền của Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ.

- Tháng 6-1949, Tổng thống Pháp lúc đó là Vincent Auriol đã ký Bộ luật số 49-733 trả lại Nam Kỳ cho "Quốc gia Việt Nam", đại diện là Bảo Đại. Mặc dù đây là việc làm phục vụ cho mục đích chính trị của Pháp, nhưng là văn bản pháp lý chính

thức của Nhà nước Pháp và phù hợp với thực tế lịch sử, bởi trước đó, trong các năm 1862 và 1874 chính quyền nhà Nguyễn của Việt Nam đã ký hiệp ước nhượng 3 tỉnh miền Đông và 3 tỉnh miền Tây cho Pháp; nay Pháp phải trả lại Việt Nam. Trước thắc mắc của Campuchia, ngày 8/6/1949 Chính phủ Pháp đã có thư chính thức gửi Quốc vương Campuchia lúc đó là Sihanouk, nói rõ cơ sở pháp lý và lịch sử của quyết định trên.

- Chủ quyền Việt Nam trên vùng đất Nam Bộ liên tục được tất cả các hiệp định có giá trị pháp lý quốc tế sau đó công nhận, như Hiệp định Geneve (1954) về Đông Dương; Hiệp định Paris (1973) về kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam; được các nước lớn, như Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc công nhận; chính phủ Lào, chính phủ Campuchia thừa nhận.

Sau khi chính quyền Khmer đỏ ở Campuchia bị lật đổ, nước Cộng hòa nhân dân Campuchia được thành lập, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Campuchia đã ký nhiều hiệp ước về biên giới, lãnh thổ, như Hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác giữa hai nước (ký ngày 18/02/1979); Hiệp ước về biên giới trên đất liền (ký ngày 20/7/1983); Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước (ký ngày 27/12/1985). Ngày 10/10/2005 Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia đã ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985...

Ngày 7/9/2006, thể hiện quyết tâm của hai nước trong việc xây dựng đường biên giới ổn định, hòa bình và hữu nghị đại diện Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Campuchia đã tiến hành khởi công xây dựng cột mốc quốc tế đầu tiên tại cửa khẩu Mộc Bài (Việt Nam) - Ba Vét (Campuchia). Đến tháng 11-2011 hai bên đã xác định được hơn 60% mốc giới trên bộ giữa hai nước.

2. Sự khẳng định của Nhà nước Việt Nam về chủ quyền của Việt Nam với vùng đất Nam Bộ

- Ngay sau khi được thành lập tháng 9-1945, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã khẳng định chủ quyền vùng đất Nam Bộ, bộ phận lãnh thổ không thể tách rời của toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

Tháng 7/1946, tại Paris, bên lề hội nghị Phôngtenbolô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố "Nam Bộ là đất Việt Nam. Nó là thịt của thịt chúng tôi, là máu của máu chúng tôi... Trước khi đảo Coocsơ (Corse) trở thành đất của Pháp thì Nam Bộ đã là đất Việt Nam".

- Trong thư gửi đồng bào Nam Bộ ngày 31/5/1946 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”.

- Trong những năm chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ, Đảng và Nhà nước ta đã tập hợp, động viên được đông đảo các tầng lớp nhân dân trong các dân tộc, các tôn giáo chống quân xâm lược. Nhà nước Việt Nam với chính quyền Campuchia đã có quan hệ hợp tác, thể hiện sự tôn trọng đường biên giới giữa hai nước. Lực lượng cách mạng hai nước đã giúp đỡ lẫn nhau, cùng đấu tranh chống xâm lược. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia, quân đội và nhân dân Việt Nam đã cùng nhân dân Campuchia chống lại sự xâm lược của Mỹ. Thắng lợi to lớn của cách mạng Việt Nam và cách mạng Campuchia tháng Tư năm 1975 có sự đóng góp của sự đoàn kết quốc tế giữa lực lượng cách mạng và nhân dân hai nước.

- Những năm 1975-1979, chính quyền Khmer đỏ ở Campuchia đưa quân sang xâm lược Việt Nam. Nhà nước Việt Nam đã kiên quyết phản đối. Quân đội và nhân dân Việt Nam vùng biên giới đã đánh trả đích đáng kẻ xâm lược, bảo vệ vững chắc biên giới, lãnh thổ của Tổ quốc. Sau đó, tháng 1-1979 trước nguy cơ diệt chủng ở Campuchia, đáp lại lời kêu gọi của Mặt trận Đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia, với đề nghị: “Hãy cứu giúp chúng tôi, không phải chỉ cứu giúp mấy vạn người tị nạn mà phải cứu giúp cả một dân tộc”, quân đội và nhân dân Việt Nam đã giúp đỡ nhân dân Campuchia lật đổ chính quyền Khmer đỏ, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, giúp Campuchia hồi sinh và xây dựng cuộc sống mới. Đến năm 1989, theo thỏa thuận giữa hai nước, quân đội và chuyên gia Việt Nam đã rút hết về nước.

- Không chỉ Nhà nước, mà mọi công dân Việt Nam ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, không phân biệt người Kinh, Khmer, Hoa, Chăm... đều khẳng định là công dân bình đẳng của nước Việt Nam thống nhất, có nhận thức đúng về cội nguồn và lịch sử phát triển vùng đồng bằng sông Cửu Long, đã và đang ra sức giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết, xây dựng bảo vệ đất nước, cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.